TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 1360/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Bùi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Lê Hoàng Quân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 3134/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1641/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1991

Địa chỉ: đường E, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương

Bị đơn: Bà Đặng Thị U, sinh năm 1993

Địa chỉ: đường số H, khu phố T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Đặng Thị U vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông và bà Đặng Thị U tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 229/2017-KH vào ngày 28/10/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng qua điểm sống,

thường cãi vã, xung đột. Từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình chung sống vợ chồng đã cố gắng dung hòa mâu thuẫn để hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Ông và bà U đã không còn sống chung từ tháng 12/2022 đến nay. Ông N xác định tình cảm với bà U không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông N xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/12/2017, hiện con chung bà U đang trực tiếp nuôi dưỡng nên ông yêu cầu giao con chung cho bà Đặng Thị U tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông N xác định vợ chồng ông có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Ông N không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Đặng Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức thì bị đơn bà Đặng Thị U cư trú tại địa chỉ số 59G đường số 2, khu phố 8, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 11/2022 đến cuối tháng 12/2022, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Đặng Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn N và bà Đặng Thị U tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 229/2017-KH vào ngày 28/10/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của Ông N về việc ly hôn với bà U:

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp gia đình. Tuy nhiên, theo Ông N trình bày: Từ cuối năm 2022, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã, xung đột. Từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 12/2022, bà U đã bỏ nhà đi, ông và bà U đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà U đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng bà U vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà U. Điều đó chứng tỏ bà U không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình.

Qua ý kiến trình bày của Ông N, sự vắng mặt của bà U, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông N và bà U đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Ông N yêu cầu ly hôn bà U là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh số 45/TLKS-BS do UBND phường Dĩ An, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/01/2018, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn N và bà Đặng Thị U có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/12/2017.

Đối với yêu cầu giao con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng của Ông N: Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Ông N có yêu cầu giao con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. bà U đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án Ông N khai con chung hiện đang do bà U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên yêu cầu giao con chung Nguyễn Minh T cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn N về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Ông N xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Ông N xác định không có.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí về việc cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, Ông N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Đặng Thị U.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/12/2017 cho bà Đặng Thị U trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn N về tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và khi bà Đặng Thị U có đơn yêu cầu thi hành án; nếu ông Nguyễn Văn N chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền cấp dưỡng. Nếu không có thỏa thuận và có tranh chấp về lãi suất, thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn N xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; Án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, Ông N phải chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007313 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn N phải nộp thêm 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Nguyễn Văn N, bà Đặng Thị U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Đoàn